

Bản án số: 348/2020/HC-PT
Ngày: 10 - 8 - 2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 749/2019/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1382/2019/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 810/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 13, ấp 2, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Ủy ban nhân dân huyện B; địa chỉ: 349 T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Nguyễn Văn T – Phó chủ tịch UBND huyện B

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Minh H, sinh năm 1959

3.2. Bà Võ Thị Kim H1, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp 2, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Lê Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2018 và ngày 01/10/2018, các biên bản đối thoại, các lời trình bày tại tòa người khởi kiện bà Lê Thị Kim L trình bày:*

Khu đất có diện tích 5.858m², thuộc thửa số 75 và 172, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng đất của bà L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1961/QSDĐ do Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) huyện B cấp ngày 04/6/1999.

Trước và sau khi được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L cùng với gia đình trực tiếp canh tác trồng lúa trên phần đất này và đây là nguồn sống chính yếu của gia đình bà.

Ngày 10/7/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4756/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 4756) để thu hồi một phần diện tích nói trên, với diện tích thu hồi là 4.892,0m², với lý do thu hồi là để xây dựng Doanh trại tên lửa của Quân chủng phòng không – Không quân. Sau hơn 06 tháng, UBND huyện B phát hiện có sai sót diện tích thu hồi nên đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 (gọi tắt là QĐ 146) để điều chỉnh nội dung Điều 01 của QĐ số 4756 ngày 10/7/2011 mà UBND huyện đã ban hành trước đó.

Sau hơn 06 năm, kể từ khi UBND huyện B ban hành 02 quyết định thu hồi đất nói trên, nhưng cho đến nay thì UBND huyện B vẫn chưa thực hiện hoàn tất việc bồi thường hỗ trợ thu hồi đất. Ngày 26/6/2018, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5932/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 5932) để cưỡng chế thu hồi đất. Đến ngày 12/9/2018 thì UBND huyện B lại tiếp tục ban hành Quyết định số 8237/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 8237) điều chỉnh thời gian thực hiện Quyết định cưỡng chế số 5932 mà UBND huyện B ban hành trước đó nhưng thực tế đến nay vẫn chưa thực hiện cưỡng chế.

Nay bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định sau:

1. QĐ 4756/QĐ-UBND ngày 10/7/2011 của UBND huyện B.
2. QĐ 146/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của UBND huyện B.
3. QĐ 5932/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện B.
4. QĐ 8237/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện B.

** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có Công văn số 3695/UBND ngày 25/12/2018 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:*

1. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 1789/QĐ-BTL ngày 14/11/2007 của Bộ Tư Lệnh Phòng Không – Không Quân về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng doanh trại tên lửa d44/e263/f367 (gọi tắt là QĐ 1789);

- Công văn số 431/UBND-ĐTMT – M ngày 18/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về dự án đầu tư xây dựng doanh trại trận địa tên lửa d44/e263/f367 tại huyện B;

- Công văn số 1821/UBND ngày 25/12/2007 của UBND huyện B về chuẩn bị thực hiện dự án;

- Thông báo số 24/TB-UBND ngày 22/02/2008 của UBND huyện B về việc công bố Dự án Đầu tư Xây dựng doanh trại trận địa tên lửa tại xã Đ tại huyện B;

- Phương án số 111/PA-HĐBT ngày 06/7/2011 của Hội đồng bồi thường dự án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của dự án, được Chủ tịch UBND huyện B phê duyệt tại QĐ số 4776/QĐ-UBND ngày 08/7/2011; (gọi tắt là PA 111).

2. Nguồn gốc quá trình sử dụng đất

Căn cứ Biên bản kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất để phục vụ bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong Dự án đầu tư xây dựng doanh trại trận địa tên lửa d44/e263/f367/Quân chủng Phòng không - Không quân tại xã Đ, huyện B.

Theo bản đồ số 13/2009/HĐKT/BBT ngày 23/12/2010 do Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố được UBND xã Đ xác nhận ngày 26/12/2011, thì bà L có phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án với diện tích 2.224m² thuộc một phần thửa số 75, 172, 173, 174, tờ bản đồ số 17, bộ địa chính xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng một phần thửa số 29, 30 tờ bản đồ số 61 xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu đo năm 2006), hiện trạng sử dụng đất là: ruộng.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1961/QSDĐ/ĐP ngày 04/6/1999 do UBND huyện B cấp cho hộ bà Lê Thị Kim L.

Căn cứ Phiếu xác nhận của UBND xã Đ ngày 20/9/2011 và Phiếu xác nhận của UBND xã Đ ngày 26/12/2011, theo đó đất của bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1961/QSDĐ/ĐP ngày 04/06/1999; Diện tích bị thu hồi: 2.224m²; Hiện trạng sử dụng đất: ruộng.

3. Quá trình thu hồi đất:

Ngày 24/02/2009, UBND huyện B ban hành QĐ số 671 về thu hồi đất của bà Lê Thị Kim L tại xã Đ để thực hiện dự án, diện tích thu hồi: 2.251,17m² (diện tích được thể hiện trên bản đồ tổng của dự án và xác nhận của UBND xã Đ).

Do chủ sử dụng đất không hợp tác cho việc kiểm kê hiện trạng nên ngày 07/9/2010, UBND huyện B ban hành QĐ số 4925/QĐ-UBND về kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án.

Quá trình tiếp xúc vận động, bà L không đồng ý thực hiện QĐ 4925/QĐ-UBND, ngày 20/10/2010, Tổ kiểm kê bắt buộc tổ chức thực hiện kiểm kê bắt buộc theo Biên bản số 40/BBKK về kiểm kê bắt buộc hiện trạng, khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất đối với bà L.

Sau khi có số liệu kiểm kê bắt buộc, ngày 07/7/2011, UBND huyện B ban hành QĐ số 4756/QĐ-UBND về thu hồi đất của bà L tại xã Đ để thực hiện dự án, diện tích thu hồi: 4.892,0m² (thu hồi theo quyết định kiểm kê bắt buộc).

Không đồng ý với số liệu đo đạc kiểm kê bắt buộc, hộ dân cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉ ranh đất đo đạc lại, ngày 12/01/2012, UBND huyện B ban hành QĐ số 146/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều 1 QĐ số 4756 ngày 07/7/2011 của UBND huyện B, diện tích thu hồi: 2.224m² (theo hướng dẫn ranh đo đạc lại của bà L).

Từ cơ sở trên, UBND huyện B đã ban hành QĐ 4756 ngày 07/7/2011 về thu hồi đất của bà L và QĐ số 146 ngày 12/01/2012 về điều chỉnh Điều 1 QĐ 4756 ngày 07/7/2011 của UBND huyện B là đúng quy định.

4. Quá trình lập hồ sơ bồi thường

Căn cứ Phương án số 111/PA-HĐBT ngày 06/7/2011 của Hội đồng bồi thường dự án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của dự án, được Chủ tịch UBND huyện B phê duyệt tại QĐ số 4776 ngày 08/7/ 2011;

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1961/QSĐĐ/ĐP ngày 04/06/1999, Phiếu xác nhận của UBND xã Đ ngày 20/9/2011 và ngày 26/12/2011;

Ngày 21/11/2012, UBND huyện B ban hành QĐ số 7928/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ bà L, theo Phiếu chiết tính 52/PCT ngày 17/07/2012 với số tiền bồi thường: 955.964.160 đồng.

Do bà L không đồng ý nhận tiền và không khiếu nại nên Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi số tiền bồi thường: 955.964.160 đồng vào Kho bạc B.

Ngày 05/01/2012, UBND Thành phố có Công văn số 13/UBND-ĐTMT về điều chỉnh đơn giá đất ở trung bình khu vực và hệ số để tính hỗ trợ trong Dự án đầu tư xây dựng doanh trại trận địa tên lửa d44/e263/f367/Quân chủng Phòng không - Không quân tại xã Đ, huyện B. Do Chủ đầu tư dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư của Dự án theo quy định, đến ngày 14/9/2015, Sư đoàn Phòng không - Không quân 367 có Công văn số 1073/SĐ-PTM về phúc đáp Công văn số 49/HĐBT ngày 20/3/2013 của Hội đồng Bồi thường dự án.

Ngày 27/4/2016, UBND huyện B ban hành QĐ số 2674/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà L, theo Phiếu chiết tính số 77/PCT-BBT ngày 31/3/2016 với số tiền hỗ trợ: 604.293.759 đồng.

Do bà L không đồng ý nhận tiền và không khiếu nại nên Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi số tiền hỗ trợ: 604.293.759 đồng vào Kho bạc B.

5. Về việc ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất

Căn cứ quy định tại Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B phối hợp Tổ vận động nhiều lần tổ chức tiếp xúc, vận động bà L ký hồ sơ, nhận tiền và bàn giao mặt bằng, tuy nhiên bà L không đồng ý ký hồ sơ, nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Ngày 26/9/2017, UBND xã Đ có Báo cáo số 2085/BC-UBND về tiến độ vận động các hộ dân bàn giao mặt bằng trong dự án, theo đó bà L không đồng ý ký hồ sơ nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Từ cơ sở trên, ngày 26/6/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành QĐ 5932/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất bà L và ngày 12/9/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành QĐ số 8237/QĐ-UBND về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại QĐ số 5932/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện B là đúng theo quy định pháp luật.

Vì vậy, UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung QĐ 4756/QĐ-UBND ngày 07/7/2011 và QĐ 146/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của UBND huyện B, QĐ 5932/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 và QĐ 8237/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H và bà Võ Thị Kim H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày:*

Thông nhất với nội dung trình bày của bà Lê Thị Kim L. Đề nghị Tòa án không tiến hành thêm các buổi đối thoại và sớm đưa vụ án ra xét xử. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1382/2019/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

- Quyết định số 4756/QĐ-UBND ngày 10/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất;

- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của Ủy ban nhân dân huyện B về điều chỉnh Điều 1 của QĐ 4756;

- Quyết định số 5932/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về cưỡng chế thu hồi đất;

- Quyết định số 8237/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/10/2019, người khởi kiện bà Lê Thị Kim L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quan điểm đối với yêu cầu kháng cáo như sau:*

Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện bà L đã ký nhận và biết được quyết định thu hồi. Quá trình bồi thường đã điều chỉnh nhiều lần về diện tích và số tiền bồi thường.

Do bà L không chấp hành nên UBND huyện B đã ra quyết định cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật. Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời khai trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ kiện, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Theo các chứng cứ tài liệu đã thu thập của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, việc thu hồi đất được thể hiện như sau:

Căn cứ QĐ số 1789/QĐ-BTL ngày 14/11/2007 của Bộ Tư Lệnh Phòng Không – Không Quân về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng doanh trại trận địa tên lửa d44/e263/f367.

Căn cứ Công văn số 431/UBND-ĐTMT-M ngày 18/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về dự án đầu tư xây dựng doanh trại trận địa tên lửa d44/e263/f367 tại huyện B.

Căn cứ Phương án số 111/PA-HĐBT ngày 06/7/2011 của Hội đồng bồi thường dự án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của dự án, được Chủ tịch UBND huyện B phê duyệt tại QĐ số 4776/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 (gọi tắt là PA 111)

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1961/QSDĐ/ĐP ngày 04/6/1999 do UBND huyện B cấp cho hộ bà Lê Thị Kim L có diện tích 5.858m².

[1.1] Về quá trình thu hồi đất:

Ngày 24/02/2009, UBND huyện B ban hành QĐ số 671 về thu hồi đất của bà L tại xã Đ để thực hiện dự án, diện tích thu hồi là 2.251,17m². Tuy nhiên, do bà L không hợp tác cho kiểm kê hiện trạng nên ngày 07/9/2010, UBND huyện B ban hành QĐ số 4925 về kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án.

Ngày 20/10/2010, Tổ kiểm kê bắt buộc tổ chức thực hiện kiểm kê bắt buộc theo Biên bản số 40/BBKK về kiểm kê bắt buộc hiện trạng, khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất đối với bà L.

Ngày 07/7/2011, UBND huyện B ban hành QĐ số 4756 về thu hồi đất của bà L với diện tích thu hồi là 4.892,0m² (thu hồi theo quyết định kiểm kê bắt buộc). Không đồng ý với số liệu đo đạc kiểm kê bắt buộc, bà L cung cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉ ranh đất đo đạc lại. Ngày 12/01/2012, UBND huyện B ban hành QĐ số 146 về điều chỉnh Điều 1 QĐ số 4756 ngày 07/7/2011 của UBND huyện B, theo đó diện tích thu hồi là 2.224m².

Quá trình thực hiện thu hồi đất, UBND huyện B nhiều lần tiếp xúc vận động bà L nhưng bà L không hợp tác, không đồng ý với việc thực hiện Dự án.

[1.2] Về việc lập hồ sơ bồi thường:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng số 13/2009/HĐKT/BBT ngày 23/12/2010 do Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh được UBND xã Đ xác nhận ngày 26/12/2011, thì bà L có phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án với diện tích 2.224m² thuộc một phần thửa số 75, 172, 173, 174, tờ bản đồ số 17, bộ địa chính xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng một phần thửa số 29, 30 tờ bản đồ số 61 xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu đo năm 2006), hiện trạng sử dụng là đất ruộng.

Ngày 21/11/2012, UBND huyện B ban hành QĐ số 7928 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ bà L, kèm Phiếu chiết tính số 52/PCT ngày 17/07/2012, cụ thể:

+ Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây hàng năm không mặt tiền: $2.224 \times 200.000 = 444.800.000$ đồng.

+ Hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm không mặt tiền: $2.224 \times (104.000 \times 2,21) = 511.164.160$ đồng

Tổng cộng: 955.964.160 đồng.

Tuy nhiên, do bà L không đồng ý nhận tiền nên UBND huyện B đã gửi số tiền bồi thường: 955.964.160 đồng vào Kho bạc Nhà nước huyện B.

Ngày 05/01/2012, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 13/UBND-ĐTMT về điều chỉnh đơn giá đất ở trung bình khu vực và hệ số để tính hỗ trợ trong Dự án đầu tư xây dựng doanh trại trại trại địa tên lửa d44/e263/f367/Quân chủng Phòng không - Không quân tại xã Đ, huyện B.

Ngày 27/4/2016, UBND huyện B ban hành QĐ số 2674 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà L, kèm Phiếu chiết tính số 77/PCT-BBT ngày 31/3/2016, cụ thể:

+ Hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Đất nông nghiệp đất trồng cây hàng năm không mặt tiền: $2.224 \times (104.000 \times 4,759) = 1.100.737.664$ đồng.

Khấu trừ Phần III Phiếu chiết tính số 52/PCT-BBT ngày 17 tháng 7 năm 2012 là: -511.164.160 đồng

+ Bồi thường về cây trồng: 14.720.255 đồng.

Tổng cộng: 604.293.759 đồng.

Do bà L không đồng ý nhận tiền nên UBND huyện B đã gửi số tiền hỗ trợ: 604.293.759 đồng vào Kho bạc B.

[1.3] Về thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

Ngày 26/6/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành QĐ 5932/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất bà L, thời gian thực hiện cưỡng chế từ ngày 15/7/2018 đến ngày 15/8/2018.

Ngày 12/9/2018, Chủ tịch UBND huyện B ban hành QĐ số 8237/QĐ-UBND về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại QĐ số 5932, thời gian thực hiện cưỡng chế từ ngày 15/9/2018 đến ngày 15/10/2018 nhưng thực tế cho đến nay vẫn chưa thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

Căn cứ khoản 4 Điều 67 và điểm d khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013: “Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất”; “Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo qui định tại Điều 71 của Luật này”.

Căn cứ khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013 thì: “Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục”

b) Quyết định cưỡng chế.....được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân....

c) Quyết định cưỡng chế.....đã có hiệu lực thi hành.

d) Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành”.

Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế thì ngày 28/6/2018 và ngày 14/9/2018, đại diện Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng đã có biên bản giao và niêm yết QĐ cưỡng chế số 5932 và QĐ cưỡng chế số 8237 cho bà L. Đến ngày 04/7/2018, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã có biên bản về việc vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L nhưng bà L không đồng ý bàn giao đất.

Ngày 28/6/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành quyết định số 5992/QĐ-UBND về việc thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng doanh trại trận địa tên lửa d44/e263/f367/Quân chủng Phòng không - Không quân tại xã Đ, huyện B và dự thảo Phương án cưỡng chế và dự toán kinh phí cho hoạt động cưỡng chế.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Như trên đã nhận định, UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B đã căn cứ điểm a khoản 1 Phần IV Chương II; khoản 1 Phần X Chương II; khoản 1

Phần III Chương III; Phần III Chương VII của Phương án số 111 ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện là bà L xác định không yêu cầu xem xét tái định cư do phần đất của bà L bị thu hồi là đất ruộng, không có nhà và vật kiến trúc trên đất. Bà L cũng xác định không khởi kiện đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ, chỉ khởi kiện đối với Quyết định thu hồi đất và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Bên cạnh đó, bà L cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu của bà L. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Như đã nhận định và phân tích ở trên, có đủ cơ sở xác định việc thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật. Từ đó cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Kháng cáo của bà L theo đó là không có cơ sở để chấp nhận. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 1382/2019/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

- Quyết định số 4756/QĐ-UBND ngày 10/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất;

- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của Ủy ban nhân dân huyện B về điều chỉnh Điều 1 của QĐ 4756;

- Quyết định số 5932/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về cưỡng chế thu hồi đất;

- Quyết định số 8237/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số 0049904 ngày 12/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số 0024820 ngày 28/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy

Phạm Công Mười